

NGŨ ÂM TIẾNG TÀ ÔI TẠI XÃ A ROÀNG, HUYỆN A LƯỚI, TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

TRƯƠNG THỊ HỒNG GÁI*

Abstract: Ta'Oi is one of 53 ethnic minorities in Vietnam and is one of the few ethnic minorities with long standing residence in Thừa Thiên Huế province. A Roàng commune, A Lưới district, Thừa Thiên Huế province is one of the localities where the Ta'Oi people dwell densely. The current paper identifies and describes some phonetic-phonological characteristics of Ta'Oi language synchronically. Those characteristics include phonology and the systems of the initial sounds, the nucleus vowels and the coda consonants.

Key words: *phonetics, Ta'Oi, Ta'Oi language, phonology.*

1. Mở đầu

Theo kết quả Tổng điều tra dân số và nhà ở năm 2019, ở Việt Nam có 52.356 người Tà Ôi, phân bố tập trung tại Thừa Thiên Huế và Quảng Trị. Ở Thừa Thiên Huế, người Tà Ôi cư trú tập trung tại huyện A Lưới [5].

Theo các tài liệu chính thức cũng như các tài liệu dân tộc học, người Tà Ôi có ba nhóm địa phương Tà Ôi, Pa Cô và Pa Hi. Tiếng Tà Ôi là tiếng mẹ đẻ, là ngôn ngữ thứ nhất của người Tà Ôi. Theo các nhà nghiên cứu, về mặt cội nguồn, tiếng Tà Ôi thuộc nhóm Katuic, chi Mon- Khmer, ngữ hệ Nam Á, có quan hệ rất gần với tiếng nói của các dân tộc Bru - Vân Kiều và Cơ Tu. Về mặt loại hình, tiếng Tà Ôi thuộc ngôn ngữ đơn lập, cùng loại hình với tiếng Việt [2, tr.18].

Bài viết này lấy tiếng Tà Ôi ở xã A Roàng, huyện A Lưới - Thừa Thiên Huế làm cơ sở nghiên cứu, nhằm bước đầu chỉ ra một số đặc điểm cơ bản ở mặt ngữ âm - âm vị học của tiếng Tà Ôi ở địa phương này.

Trong tài, được sử dụng là phương pháp điền dã ngôn ngữ học, tác giả đã đến địa bàn, tiếp cận trực tiếp với người bản ngữ để thu thập tư liệu. Vốn từ thu thập được lấy từ bảng chuyên dụng để nghiên cứu ngôn ngữ các dân tộc thiểu số (khoảng 2.000 từ) do GS.TS Nguyễn Văn Lợi và GS. M. Ferlus biên soạn. Bảng từ này bao gồm các từ cơ bản thuộc các chủ đề khác nhau trong cuộc sống. Dựa vào đó, tác giả thu thập những từ tương đương trong tiếng Tà Ôi, rồi trực tiếp phiên âm lại theo bảng phiên âm quốc tế IPA. Sau đó, nhờ người bản ngữ đọc lại để ghi âm theo hình thức người điều tra đọc 1 lần từ tiếng Việt và tư liệu viên (người Tà Ôi) đọc lại 2 lần bằng ngôn ngữ mẹ đẻ của họ.

Tư liệu của bài viết do chính tác giả thu thập năm 2019, bao gồm 2000 từ ngữ cơ bản tiếng Tà Ôi được phiên âm quốc tế và ghi âm kỹ thuật số dưới dạng file.wav. Cộng tác viên cung cấp tư liệu: Viên Xuân Danh, sinh năm 1979; Blúp Thị Non, sinh năm 1979. Cả 2 cộng tác viên nêu trên đều hiện trú tại thôn A Ka, xã A Roàng, huyện A Lưới - Thừa Thiên Huế. Trong quá trình xử lý tư liệu, người viết đã nghe lại toàn bộ các file ghi âm, tiến hành phân loại và thống kê các đơn vị ngữ âm: từ âm vị học, âm tiết, các phụ âm, nguyên âm..., xuất hiện trong các bối cảnh ngữ âm khác nhau. Trên cơ sở đó,

* Viện Khoa học xã hội vùng Tây Nguyên.

người viết tiến hành phân xuất, xác định các âm vị phụ âm và nguyên âm dựa vào bối cảnh ngữ âm đồng nhất. Bên cạnh đó, bài viết cũng kế thừa tư liệu và kết quả nghiên cứu của các tác giả đi trước.

2. Tổng quan tình hình nghiên cứu

Số lượng các công trình nghiên cứu về tiếng Tà Ôi của các nhà nghiên cứu nước ngoài còn rất hạn chế. Các nhà nghiên cứu nước ngoài chú ý đến tiếng Tà Ôi chủ yếu là của Viện Ngôn ngữ học Mùa hè Mỹ (The Summer Institute of Linguistics).

Tổ chức SIL (*The Summer Institute of Linguistics* - Viện Ngôn ngữ học mùa hè) đã chế tác ra chữ Tà Ôi và Pa Cô (chữ *Pakoh - Ta-oih*) tự dạng Latin vào khoảng những năm 60 của thế kỉ XX. Năm 1966, Watson Sandra K. có bài *Verbal affixation in Pacoh* (Phụ tố hóa động từ trong tiếng Pa Cô) [10]. Năm 1979, Watson, Richard và Sandra Watson Cubat đã cho xuất bản cuốn *Nóh Pacóh - Yoan - Anh: Pacoh dictionary, Pacoh - Vietnamese - English* (Từ điển tiếng Pa Cô, Pa Cô - Việt - Anh) [9]. Gần đây, công trình *A grammar of Pacoh: a Mon-Khmer language of the central highland of Vietnam* (Ngữ pháp tiếng Pa Cô: một ngôn ngữ thuộc Mon-Khmer ở cao nguyên miền Trung của Việt Nam) của Mark J. Alves được xuất bản ở Australia [6], trong đó có phần trình bày sơ lược về đặc điểm hình thái học tiếng Pa Cô.

Ở Việt Nam, tiếng Tà Ôi mới được chú ý nghiên cứu trong mấy chục năm gần đây (đặc biệt sau năm 1975). Có thể kể đến các công trình như: *Sách học tiếng Pakôh-Taôih* (1986) của các tác giả Nguyễn Văn Lợi, Đoàn Văn Phúc, Phan Xuân Thành; *Về những đặc điểm của một ngôn ngữ đơn tiết trong tiếng Pakôh-Ta-oih* của Nguyễn Văn Lợi [1]; *Hướng dẫn dạy kết hợp tiếng Việt và tiếng dân tộc thiểu số* phục vụ cho việc dạy và học lớp 1 và lớp 2 ở vùng Tà Ôi và Cơ Tu ở Thừa Thiên Huế (các huyện Nam Đông và A Lưới) của Nguyễn Văn Lợi, Tạ Văn Thông; *Đặc điểm cấu tạo từ tiếng Tà Ôi* (luận văn thạc sĩ, 2003) và *Cấu tạo từ tiếng Tà Ôi (trong sự so sánh với tiếng Việt)* (luận án tiến sĩ, 2008) của Nguyễn Thị Sửu. Đề tài cấp Tỉnh *Biên soạn Từ điển Việt - Pa Cô - Ta Ôi; Pa Cô - Ta Ôi - Việt* (2016) được thực hiện trong sự hợp tác nghiên cứu khoa học giữa Sở Khoa học và Công nghệ (Ủy ban nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế) và Viện Từ điển học và Bách khoa thư Việt Nam (Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam).

Nhìn lại các công trình nghiên cứu về tiếng Pa Cô - Tà Ôi hoặc có liên quan đến tiếng Tà Ôi, có thể nhận xét:

Các nhà khoa học nước ngoài tập trung chú ý chủ yếu vào tiếng Pa Cô (Pakóh). Tiếng Tà Ôi ít được nghiên cứu. Mặt phương ngữ hầu như chưa ai nói đến. Các nhà khoa học Việt Nam thường sử dụng tên gọi chung của dân tộc Tà Ôi (Ta-oih) để gọi cả tiếng Pa Cô và Tà Ôi.

Các tác giả đi trước đã có một số nghiên cứu cơ bản về tiếng Pa Cô - Tà Ôi. Có một số nghiên cứu mang tính ứng dụng: sách hướng dẫn giảng dạy, sách học tiếng, từ điển đối dịch. Mặt từ vựng - ngữ nghĩa đã được chú ý và có nhiều kết quả. Tuy nhiên, những công trình thuộc loại nghiên cứu cơ bản về tiếng Pa Cô - Tà Ôi không nhiều lắm và chưa mang đến được một cái nhìn toàn diện về mặt ngữ âm của tiếng nói các cộng đồng này.

3. Hệ thống ngữ âm tiếng Tà Ôi

3.1. Từ âm vị học

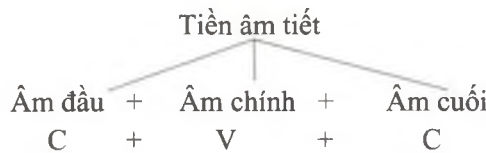
Từ âm vị học của tiếng Tà Ôi có thể có hai dạng: từ đơn tiết; từ đa tiết.

- Từ đơn tiết: chỉ gồm một âm tiết, ví dụ: [tʰac]: *trời sáng*, [hit]: *gió*, [bo]: *mưa*, [dak]: *nước*...

- Từ đa tiết: gồm một hoặc hai âm tiết đứng trước (gọi là “tiền âm tiết” hoặc còn được gọi là “âm tiết phụ”) và một âm tiết đứng sau được phát âm nhấn mạnh hơn mang trọng âm (gọi là “âm tiết chính”), ví dụ: [ʔasəm]: *lông*, [ʔarbaŋ]: *trời*, [ʔarlut]: *mây*, [ʔarbaŋ luj]: *mặt trời lặn*,...

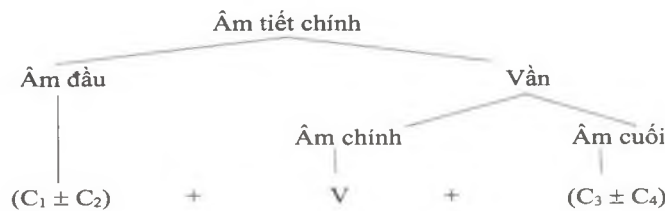
Trong từ đa tiết, các âm tiết (tiền âm tiết và âm tiết chính) được phát âm tiếp nối thành một khối (đọc liền nhau), không tách bạch ra như các từ đơn tiết đứng cạnh nhau. Đây là một đặc tính riêng biệt của tiếng Tà Ôi, cũng như ở một số ngôn ngữ gần gũi với nó về loại hình như Cơ Tu, Chăm, Bru - Vân Kiều...

Trong từ đa tiết, mô hình phổ biến của tiền âm tiết, với các thành tố cấu tạo nên nó như sau:



(Ghi chú: C: phụ âm; V: nguyên âm)

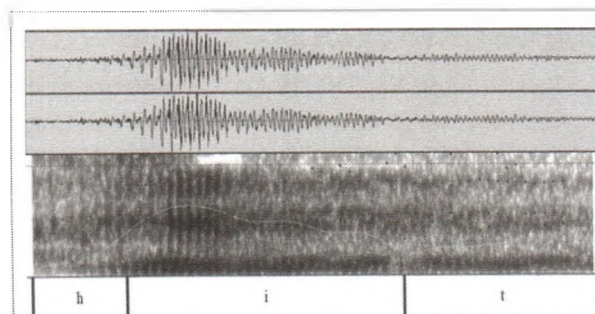
Mô hình của âm tiết chính, với các thành tố và các loại âm cấu tạo nên nó như sau:



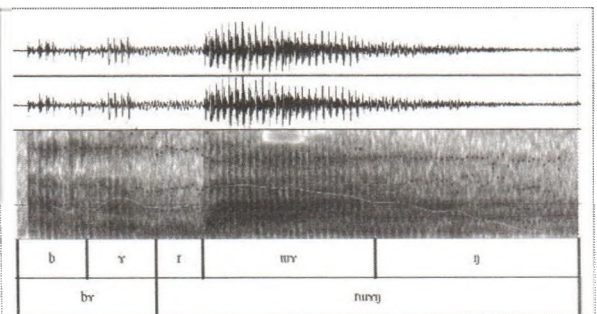
(Ghi chú: C₁, C₂, C₃ và C₄ là các phụ âm ở các vị trí khác nhau, theo thứ tự từ đầu đến cuối âm tiết; Dấu ± nghĩa là “có thể xuất hiện hoặc không”)

Theo mô hình này, giữ vai trò âm đầu trong âm tiết chính có thể là một phụ âm đơn (C₁) hoặc tổ hợp phụ âm (C₁+C₂). Vần trong âm tiết chính gồm có hai phần: âm chính và âm cuối. Giữ vai trò âm chính có thể là một nguyên âm đơn hoặc nguyên âm đôi. Âm cuối cũng có thể là phụ âm đơn (C₃) hoặc tổ hợp phụ âm (C₃C₄)...

Từ âm vị học dạng 1 chỉ gồm âm tiết chính trong tiếng Tà Ôi có hình sóng âm và ảnh phổ như Hình 1.



Hình 1. Sóng âm, phổ đồ của từ âm vị học dạng 1 trong từ [hit] (gió)



Hình 2. Sóng âm, phổ và cường độ từ âm vị học dạng 2 trong từ [brururŋ] (hang)

Từ âm vị học dạng 2 gồm tiền âm tiết cộng với âm tiết chính trong tiếng Tà Ôi có hình sóng âm và ảnh phổ như Hình 2.

Trong tiếng Tà Ôi, trong từ âm vị học dạng 1, ở các từ *gió, lỗ, sất*, giá trị trường độ đạt lần lượt là: *gió*: 0,387755 giây; *lỗ*: 0,489994 giây; *sất*: 0,493104 giây. Giá trị trường độ trung bình của từ âm vị học dạng 1 trong tiếng Tà Ôi là: 0,456951 giây.

Trong từ âm vị học dạng 2, ở các từ *hang, ngực, nhót*, giá trị trường độ đạt lần lượt là: *hang*: 0,661587 giây; *ngực*: 0,902223 giây; *nhót*: 0,69805 giây. Giá trị trường độ trung bình của từ âm vị học dạng 2 trong tiếng Tà Ôi là: 0,753953 giây.

Có thể thấy rõ ở giá trị trường độ từ âm vị học dạng 1 xấp xỉ bằng 1/2 từ âm vị học dạng 2, qua so sánh giá trị trường độ hai dạng từ âm vị học:

	Cao nhất	Thấp nhất	Trung bình
Từ âm vị học dạng 1	0,493104	0,387755	0,456951
Từ âm vị học dạng 2	0,902223	0,661587	0,753953

3.2. Hệ thống phụ âm đầu

Thực hiện các thao tác đối lập âm vị học thông qua các bối cảnh ngữ âm đồng nhất, có thể thấy tiếng Tà Ôi ở xã A Roàng có 29 phụ âm, bao gồm (23 phụ âm đơn và 6 tổ hợp phụ âm) có chức năng mở đầu âm tiết, bao gồm /p, t, k, c, ʔ, h, p^h, t^h, k^h, b, d, m, n, ɲ, v, s, r, l, j, w, ʈ, ʂ, br, pl, kl, kr, pr, bl/. Dưới đây là bảng phụ âm đơn tiếng Tà Ôi:

Bảng 1. Hệ thống phụ âm đơn tiếng Tà Ôi

Phương thức			Vị trí cấu âm		Môi	Đầu lưỡi		Mặt lưỡi	Góc lưỡi	Hậu
						Thường	Quặt lưỡi			
Tắc	Ồn	Bật hơi		p ^h	t ^h				k ^h	ʔ
		Không bật hơi	Vô thanh	p	t	ʈ	c	k		
		Hữu thanh	b	d						
	Mũi		m	n		ɲ	ŋ			
Xát	Ồn	Vô thanh		v	s	ʂ				h
			Hữu thanh			l				
	Lỏng	Vang	w	j						
Rung					r					

Hệ thống phụ âm kép là các phụ âm: /pr, pl, bl, br, kl, kr/.

Các phụ âm đầu trên được minh họa qua loạt ví dụ sau:

/p/: [pih]: <i>đắp</i>	/t/: [tik]: <i>chặt</i>	/k/: [kik]: <i>kín</i>	/b/: [bik]: <i>ngủ</i>	/ph/: [phuaʔ]: <i>bụi đất</i>
/d/: [din]: <i>nhà</i>	/v/: [vik]: <i>ruột non</i>	/s/: [sik]: <i>thịt</i>	/r/: [rik]: <i>quay lại</i>	/n/: [nar]: <i>xương sườn</i>
/th/: [thuwan]: <i>hở</i>	/k/: [kran]: <i>khiêng</i>	/m/: [moh]: <i>mũi</i>	/ɲ/: [nim]: <i>khóc</i>	/ʔ/: [ʔapi]: <i>kể chuyện</i>
/ɲ/: [ɲis]: <i>tính</i>	/l/: [lom]: <i>phối</i>	/j/: [jih]: <i>tránh</i>	/t/: [ti]: <i>nắm</i>	/kh/: [khr̃p]: <i>lấp đường đi</i>
/w/: [wil]: <i>liếm</i>	/h/: [hi:k]: <i>xé</i>	/ʂ/: [ʂeu]: <i>bắn</i>	/pl/: [pl̃m]: <i>béo</i>	/bl/: [blāk hom]: <i>nin thờ</i>
/br/: [braw]: <i>ma</i>	/pr/: [prih]: <i>rách</i>	/kl/: [klot]: <i>chọc quả</i>	/c/: [cit]: <i>chết</i>	

3.3. Hệ thống vần

Vần trong tiếng Tà Ôi gồm có hai thành tố: âm chính và âm cuối. Âm chính do nguyên âm đảm nhiệm còn âm cuối do bán nguyên âm /j/, /w/ và các phụ âm đảm nhiệm. Ở phần cuối của âm tiết chính, có 3 phụ âm kép là: /jh, wʔ, jʔ/.

Dưới đây là phân mô tả về các thành tố cấu tạo nên vần trong tiếng Tà Ôi.

3.3.1. Nguyên âm

Nguyên âm giữ vai trò làm âm chính và luôn có mặt trong mọi âm tiết tiếng Tà Ôi. Để xác định hệ thống âm vị nguyên âm trong tiếng Tà Ôi, chúng tôi tiến hành phân xuất trong các cặp đối lập tối thiểu và bối cảnh đồng nhất. Theo thống kê của chúng tôi có 14 âm vị nguyên âm trong tiếng Tà Ôi. Các nguyên âm này được chia thành hai nhóm: nhóm các nguyên âm đơn và nhóm các nguyên âm đôi. Nhóm 1: bao gồm 11 nguyên âm đơn: /a, u, i, o, e, ɔ, ǣ, ɾ, ʔ, ε, w/; Nhóm 2: bao gồm 3 nguyên âm đôi: /ix, ux, uɿ/. Các nguyên âm được minh họa qua loạt ví dụ sau:

/i/: [cih]: <i>chum</i>	/e/: [ceh]: <i>mỏ (bụng)</i>	/ε/: [sek]: <i>xin</i>	/a/: [rak]: <i>vàng</i>	/ǣ/: [ʔǣs]: <i>sung</i>
/ɔ/: [kɔŋ]: <i>vòng tay</i>	/o/: [ʔos]: <i>cúi</i>	/w/: [huw]: <i>thuốc lá</i>	/ɾ/: [siɾɾ]: <i>xuống</i>	/ʔ/: [tʔk]: <i>sữa chua</i>
/u/: [kruh]: <i>tủ</i>	/ix/: [riss]: <i>rẽ</i>	/ux/: [muxk]: <i>mũ</i>	/uɿ/: [tuɿk]: <i>đến, tới</i>	

Dưới đây là bảng nguyên âm đơn tiếng Tà Ôi:

Bảng 2. Hệ thống nguyên âm đơn tiếng Tà Ôi

Độ nâng \ Dòng	Trước		Giữa		Sau	
	Dài	Ngắn	Dài	Ngắn	Dài	Ngắn
Cao	i		u		u	
Trung bình	e		ɾ	ʔ	o	
Hơi thấp					ɔ	
Thấp	ε		a	ǣ		

3.3.2. Phụ âm cuối

Kết quả nghiên cứu của chúng tôi cho thấy, tiếng Tà Ôi ở xã A Roàng có 18 âm vị có thể làm âm cuối, đóng vai trò kết thúc âm tiết (bao gồm 15 âm vị phụ âm đơn và 3 tổ hợp phụ âm) như sau: /p, t, k, m, n, ŋ, j, h, r, ɲ, ʔ, s, l, c, w, jh, wʔ, jʔ/. Ví dụ:

[jʔp]: <i>bóng cây</i>	[ʔăt]: <i>ở</i>	[ʔajh]: <i>uốn thẳng</i>	[dǣm]: <i>ngã</i>	[ʔɿn dil]: <i>vợ</i>	[tǣk]: <i>làm (cái gì) cho</i>
[nǣŋ]: <i>chúng ta</i>	[tʔj]: <i>tay</i>	[du lɲ]: <i>lâu</i>	[duh]: <i>chóng</i>	[buic]: <i>nghèo</i>	[pajʔ]: <i>mở gói</i>
[piʔ]: <i>vặn</i>	[pis]: <i>ăn cướp</i>	[jil]: <i>liếm</i>	[pir]: <i>búp lá</i>	[ʔisaw]: <i>con một</i>	[ʔalus ʔapajʔ]: <i>vết cào</i>

Dưới đây là bảng phụ âm cuối tiếng Tà Ôi:

Phương thức		Vị trí cấu âm	Môi	Đầu lưỡi	Mặt lưỡi	Gốc lưỡi	Hậu
Tắc	Vô thanh		p	t	c	k	h, ʔ
	Hữu thanh						
	Mũi		m	n	ɲ	ŋ	
Xát	Ồn	Vô thanh		s			
	Lông	Hữu thanh	w	l			
		Vang			j		
Rung				r			

Nhìn chung, có thể thấy phụ âm cuối trong tiếng Tà Ôi ở xã A Roàng khá đa dạng, bảo tồn được nhiều phụ âm cuối cổ Mon-Khmer như /s, h, l, r/ cũng như một số tổ hợp phụ âm khác khá đa dạng. Các tổ hợp phụ âm cuối trong tiếng Tà Ôi ở A Roàng bao gồm hai loại:

- Loại có yếu tố thứ nhất là /j-/, yếu tố thứ hai là /-h/, ví dụ: [ʔajh]: *uốn thẳng*, [mojh]: *héo non*,...
- Loại có yếu tố thứ hai là /-ʔ/, ví dụ: [ʔalurs ʔapajʔ]: *vết cào*; [pajʔ]: *mở gói*, [ɛawʔ]: *già*, [kabewʔ]: *đu, niu*,...

Sự đa dạng về tổ hợp phụ âm đầu và âm cuối là một trong những đặc điểm đáng chú ý trong tiếng Tà Ôi ở xã A Roàng, huyện A Lưới, tỉnh Thừa Thiên Huế.

Qua thống kê tư liệu có được, chúng tôi thu được bảng thống kê khả năng kết hợp giữa nguyên âm với các phụ âm cuối (hay còn gọi là bảng vần) như sau:

Bảng 3. Bảng kết hợp nguyên âm với phụ âm cuối và tổ hợp phụ âm

	ŋ	t	c	m	ʔ	s	r	h	j	k	p	l	n	ɲ	w	jh	wʔ	jʔ
a	+	+	+	+	+	+	+	+	+	+	+	+	+	+	+	+	+	+
u	+	+	+	+	+	+	+	+	+	+	+	+	-	+	-	-	-	-
ă	+	+	-	+	-	-	+	-	+	+	+	+	+	-	-	-	-	-
i	+	+	+	+	+	+	+	+	+	+	+	+	+	+	+	-	-	-
ɔ	+	+	+	+	+	+	-	+	+	+	+	+	+	-	-	+	-	-
ỹ	+	+	-	+	-	+	+	+	+	+	+	+	+	-	+	-	-	-
ɤ	+	+	-	+	+	+	+	+	-	+	+	+	+	-	-	-	+	-
ɛ	+	+	-	+	-	+	+	-	-	+	+	+	+	-	+	-	+	-
o	+	+	-	+	+	+	+	+	-	+	+	+	+	+	-	-	-	-
e	-	-	-	+	+	-	+	+	-	-	+	+	+	+	-	-	-	-
u	+	+	+	-	-	-	+	-	+	+	+	+	+	-	-	-	-	-

(Ghi chú: “+” là khả năng kết hợp được, “-” là khả năng không kết hợp được)

4. Kết luận

Có thể rút ra một số nhận xét như sau về đặc điểm hệ thống ngữ âm tiếng Tà Ôi ở xã A Roàng, huyện A Lưới - Thừa Thiên Huế:

Từ âm vị học tiếng Tà Ôi có thể có hình thức đơn tiết hoặc đa tiết. Tiếng Tà Ôi mang đặc tính song tiết với sự xuất hiện của tiền âm tiết bên cạnh âm tiết chính. Tiếng Tà Ôi là ngôn ngữ thuộc loại

hình đơn lập, tiểu hình “cô”, cận âm tiết tính (quasi-syllabic). Đây có thể xem là một ngôn ngữ cận âm tiết tính điển hình.

Trong tiếng Tà Ôi, có 29 âm đoạn có khả năng mở đầu âm tiết bao gồm 23 phụ âm đầu đơn và 6 tổ hợp phụ âm: /p, t, k, c, ʔ, h, p^h, t^h, k^h, b, d, m, n, ɲ, ɳ, v, s, r, l, j, w, ʃ, ʂ, br, pl, kl, kr, pr, bl/.

Phần vần là sự kết hợp của âm chính và âm cuối. Âm chính do các nguyên âm đảm nhiệm gồm hai nhóm như sau: Nhóm 1 là 11 nguyên âm đơn: /a, u, i, o, e, ɔ, ǎ, ɤ, ɛ, u/; Nhóm 2 là 3 nguyên âm đôi: /iɤ, uɤ, uɤ/.

Các phụ âm cuối Tà Ôi (trong âm tiết chính) khá phức tạp và đa dạng. Tiếng Tà Ôi ở xã A Roàng có 18 âm vị có thể làm âm cuối, đóng vai trò kết thúc âm tiết (bao gồm 15 âm vị đơn tiết và 3 tổ hợp phụ âm) như sau: /p, t, k, m, n, ɳ, j, h, r, ɲ, ʔ, s, l, c, w, jh, wʔ, jʔ/. Đáng chú ý là trong hệ thống âm cuối, ngoài các phụ âm tắc, vô thanh /-p, -t, -c, -k/, các âm mũi tương ứng /-m, -n, -ɲ, -ŋ/ cùng với bán nguyên âm /-j/ và các âm nước /-l, -r/ có chức năng kết thúc âm tiết còn có các phụ âm tắc họng /-h, -ʔ/ cùng với tổ hợp phụ âm /-jh, -wʔ, -jʔ/. Và đặc biệt là tiếng Tà Ôi vẫn bảo lưu phụ âm cuối Mon-Khmer cổ /-s/.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Tiếng Việt

1. Nguyễn Văn Lợi, *Về đặc điểm của ngôn ngữ đơn tiết trong tiếng Pakoh - Ta Ôih*, Ngôn ngữ (4), 43 - 44, 1985.
2. Nguyễn Thị Sửu, *Cấu tạo từ tiếng Tà Ôi*, Nhà xuất bản Văn hóa Dân tộc, 2020.
3. Tạ Văn Thông (Chủ nhiệm đề tài), *Biên soạn Từ điển Việt - Pa Cô - Ta Ôi; Pa Cô - Ta Ôi - Việt* (đề tài nghiên cứu khoa học giữa Sở Khoa học và Công nghệ và Viện Từ điển học và Bách khoa thư Việt Nam, 2013 - 2016. (đề tài đã nghiệm thu).
4. Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Trị Thiên, *Sách học tiếng Pakoh - Taôih*. Nxb Thuận Hoá, 1986.
5. <http://tongdieutradanso.vn>. Ngày truy cập 15/5/2019.

Tiếng Anh

6. Alves. M. J., *A grammar of Pacoh: a Mon-Khmer language of the central highlands of Vietnam*, Research School of Pacific and Asian Studies, The Australian National University, Australia, 27-38, 2006.
7. Feikje van der Haak, *Ta'uaih phonology and orthography: a preliminary statement*, Mon-Khmer Studies 22, The Linguistic Circle of SaiGon, The Summer Institute of Linguistics, 257 - 264, 1993.
8. Richard L. Watson, *A note on Ta - oi, Nge, and Nyaheun*, Mon-Khmer Studies III, The Linguistic Circle of SaiGon & The Summer Institute of Linguistics, 130 - 131, 1969.
9. Watson, Richard and Sandra Watson Cubat, *Nhữ Pacoh - Yoan - Anh: Pacoh dictionary, Pacoh - Vietnamese - English*, Manila, Philippines, 1979.
10. Watson Sandra K., *Verbal affixation in Pacoh*, Mon-Khmer Studies II, The Linguistic Circle of SaiGon & The Summer Institute of Linguistics, 15-30, 1966.